

Vài suy nghĩ sau khi đọc tiểu luận “Nhà văn Việt Nam: Đòi hỏi và Hình nhp” của nhà văn Tô Nhuán Vá và tiếp tục truyán Lác đáng của nhà văn Đào Hiáu)

Tháng 2 năm 2007, trên diễn đàn talawas, tôi có viết một bài để góp ý với ông Võ Văn Kiệt về “hòa giải dân tộc và khép lại quá khứ”. Thái gian ngắn sau đó, tôi nhận một email từ Việt Nam chuyển lại của ông Võ Văn Kiệt, rằng nháu điám góp ý của tôi có thể tranh luận nháng cũng rất nháu điám ông tháa nhán là rất có lý. Ông cũng đán với ngángái đáa tin nháu tôi có dịp với thì đáa tôi đán nhà chái để trao đái với ông. Tôi trả lời, cũng qua trung gian ngángái đáa tin, cảm án ông với việc mời đán nhà nháng quan trọng hơn tôi mong ông đáp lại nháng điáu tôi đã nêu ra trong bài viết, nhát là nháng điám ông cho rằng có thể tranh luận đáng, và phá bián rằng rất cho mời ngángái cùng đác. Chuyển đát nháng là chuyển chung chứ không phải là chuyển giáa ông và tôi.

Các thủ hộ Việt Nam mai sau tiếp nhận thành tiếp nhận nháng bài học, nháng kinh nghiệm của các thủ hộ đi trước để lại. Không có kinh nghiệm lịch sử nào là nên bỏ qua và không có bài học lịch sử nào mà không đáng học. Có lẽ tôi đọc đâu đó, ông Võ Văn Kiệt để tính viết một cuốn sách, tôi rất mong và âm thầm chờ đợi một tác phẩm hay một hồi ký của ông.

Tôi không kể về ngángái ký của ông Võ Văn Kiệt một con số đúng với bao nhiêu sĩ quan công chức của Việt Nam Công hòa bỏ ông và Đáng của ông đáa ra các vùng rừng sâu nháng để Tiên Lánh, Hàm Tân, Hoàng Liên Sơn, Thanh Phong, Thanh Hóa. Tôi không kể về ngángái ký của ông một con số bao nhiêu ngángái dân Sài Gòn bỏ ông và Đáng của ông đáu đi khắp các vùng kinh tế mới miền Đông, miền Tây Nam Bộ. Tôi không kể về ngángái ký ông số công bố để y để danh sách nháng ngángái bỏ y ban Quân quản, do ông làm bí thư Đáng y để bí mật, xếp vào thành phần tội phạm mới bỏ; của cải, nhà của bỏ tịch thu, cha mẹ phải vào tù, con cái phải sống lang thang để đáng cuái chết. Tôi không kể về ngángái ký ông số giới thích nguyên nhân nào khiến hàng triệu ngángái Việt đã bỏ để chết sống to gió lớn để viết tiếp tìm một con đáng sống trong muôn ngàn đáng chết. Tôi cũng không kể về ngángái ký ông số chính thức xin lại cùng nhân dân miền Nam nói riêng và cộng nháng nói chung, nháng sai lầm của Đáng do ông trực tiếp lãnh đạo đã gây ra. Và nháu tôi đã đọc tiểu sử, quá trình để tranh của ông và nháng một mất mát của riêng bản thân ông, tôi cũng không nghĩ ông Võ Văn Kiệt sẽ thành lập một đáng hay một cánh để lập, công khai thách thức với trí lãnh đạo của Đáng Công sản để lột đáng cho một cuộc với đáng toàn dân, toàn diện nháng tiến để một xã hội mới, dân chủ, nhân bản và thánh váng nháng một số ngángái đã bàn tán tiếp đây.

Ông Võ Văn Kiệt từ năm 1938 cho đến cuối đời với là ngángái công sản. Khác chẳng so với nháng lãnh đạo công sản cùng thời, ông Võ Văn Kiệt sinh ra từ miền cây trái Vĩnh Long, phải

lần quảng đi đấu tranh của ông cũng từ ruộng đồng, sông nước miền Nam, gần gũi với nhân dân miền Nam và trong những ngày cuối đời nhìn lại đã có lúc chôn lòng buồn những câu nói nhảm nhí an ủi muộn màng, rồi rác đổ đầy trên vài cuốn quan ngôn luận, trong những buổi nhậu, dành cho những người đã chôn đồng bàn tay ông.

Dù sao tôi cũng mong ông viết, bởi vì hiện tại, ông Võ Văn Kiệt là người có thẩm quyền để viết. Giá trị trong tác phẩm của ông Võ Văn Kiệt không hẳn chỉ là sự thật mà là sự kiên, dù được nêu ra để biện hộ cho những sai trái của chính ông. Những Giết nóc trong biên của Hoàng Văn Hoan và Hội ký của một Việt cộng của Trường Nhị Trường và có giá trị sự kiên như thể nh và là những tác phẩm tham khảo cần thiết cho các sự gia và thế hệ mai sau. Hôm nay, ông Võ Văn Kiệt đã qua đời. Ông ra đi mang theo nhiều chỉ tiết quan trọng của những năm khó khăn nhất trong lịch sử dân tộc thời cộng sản. Phần lớn những lời phân bu dành cho ông đểu chêm dốt bằng câu chuyện mong những linh ông được yên nghỉ, những làm sao những linh ông có thể yên nghỉ được khi vẫn còn một thế gian này một món nợ mà ông chưa trả hết.

Những chôn đồng của dân tộc Việt Nam nói chung và nhân dân miền Nam nói riêng để bàn tay ông Võ Văn Kiệt và Đồng của ông trong những năm ngay sau 1975, sự mãi mãi sự là một vết thối thối ng hèn sâu trong lịch sử. Máu và nước mắt của nhân dân miền Nam đổ xuống trong các trại tù, trên các khu kinh tế mới, dọc các vựa hè Hu, Đà Nẵng, Sài Gòn đã đóng thành băng trong ký ức của giới nòi. Không ai trách ông Võ Văn Kiệt tại sao bảy mươi năm trước đã tham gia Đồng Cộng sản những chôn chôn các thủ hộ Việt Nam mai sau sự trách ông đã không có những câu trả lời cho những thẩm trọng mà một nóc đã trải qua trong suốt 22 năm dài (1975 - 1997), thời gian ông đã đóng vai trò quan trọng trong chính trị Việt Nam.

Ông Võ Văn Kiệt, giới những hậu hất những người cộng sản trong thế hệ Tân Trào, Pác Bó đã không làm được, đã không trả lời được những câu hỏi của phiên tòa lịch sử, những tôi tin các thủ hộ Việt Nam tham gia Đồng Cộng sản sau ông, thế hệ “chúng Mưu mưu nóc”, thế hệ “Tội công kích Tội Mưu Thân” với một sự khá đồng vẫn còn đang sống, có thể trả lời và thẩm chí phải trả lời trước khi các anh các chị xuôi tay nhắm mắt ra đi.

Điêu đáng mừng là trong thời gian qua, một số hội ký như Tôi bắt đầu của nhà thơ Trần Vàng Sao, Tôi bày tỏ của nhà văn Tiêu Dao Bảo Cao mà tôi đã có dịp góp ý trước đây, tiểu luận “Nhà văn Việt Nam: Đời mới và Hội nhập” của nhà văn Tô Nhuận V, hay mới đây từ truy n Lạc được của nhà văn Đào Hiếu đã nối tiếp nhau ra đời. Các anh viết vì bức xúc cá nhân hay từ những thẩm chính trị không phải là điếu quan trọng, điếu quan trọng nhất vẫn là viết ra. Tôi tin rằng với chiếu hướng Việt Nam đang cần mở rộng các mối quan hệ với nóc ngoài, những thẩm màn sự hãi sự được vén lên cao hơn, những biên giới cách ngăn sự dồn dập thu hẹp, trong thẩm ng lại sự có nhiều tác phẩm như thế nữa.

Tôi váa đß cß hßt tß truyßn Lßc đßng cßa nhßa văn Đào Hißu. Là mßt ngßi trong thß hß trß hßn, tôi cßm ß anh đß kß lßi nhßng chßng đßng anh đß đi qua, ghi lßi nhßng thao thßc và trßn trß cßa anh và thß hß anh. Ngay cß nhßng vißc chßng ta mßi làm hôm qua, hôm nay có thß đß không còn đúng nßa và nhßng câu nói mßi váa thoßt ra khßi cßa mißng nhißu khi bißt mình nói sai rßi, hußng hß nhßng vißc đß làm 40 năm trßc. Ai cũng có mßt thuß hai mßi và ai cũng trßi qua mßt thßi tußi trß. Sinh ra và lßn lên trên quß hßng chißn tranh, nghèo khó, chßu đßng cái nhßc cßa mßt nßc nhßc tißu bß các nßc lßn khinh khi, coi rß, câu hßi làm gì cho đßt nßc luôn là mßi ám ßnh hàng ngày, hàng đêm trong ý thßc cßa nhßng ngßi trß bißt đau cái đau cßa đßt nßc.

Năm 1968, năm cao đßm cßa cußc chißn Việt Nam, tôi lßn lên ß gßn cßa bißn Sßn Chß, qußn 3, Đà Nßng. Bußi chißu tôi thßng ngßi trên cßn cát trßng ß xóm Cß Mßn nhìn nhßng đoàn xe chß bom đßn nßi đßu nhau tß cßng Tiên Sa nhßp vào các kho quân sß chung quanh thành phß đßt đß đi vào cußc chißn. Tôi thßm nghĩ nhßng bom đßn kia nay mai đây sß rßi xußng ß mßt nßi nào đó trên quß hßng tôi.

Đêm đêm trên đßng Bßch Đßng đßc bß sông Hàn nhßng anh lính Mß đen, Mß trßng mißng sßc mùi bia rßu, tay ôm nhßng cô gái Việt bßng tußi chß tôi và cßt tißng cßi khß . Nißm tß ái dân tßc trong lòng tôi dâng cao. Tôi cßm thßy bi xßc phßm. Hß xßc phßm không chß dân tßc Việt Nam, ngßi con gái Việt Nam, mà đßng nhß còn xßc phßm đßn cß hàng phßng đß, hàng sao xanh trên con đßng Bßch Đßng thß mßng. Cách thành phß Đà Nßng không xa là bãi rác Hòa Cßm rßng mßnh mßng. Nßi đó, mßi bußi sáng, hàng trăm đßa bé mßi ngoài mßi tußi nhß tôi bám theo nhßng chißc xe rác Mß đß nhßt nhßng mißng thßt thßa, nhßng lon bß bß đß và ngay cß tßng chißc bao nhßa đß dßy. Ngày đó, tuy còn khá nhß tôi đß bißt tßi thßn cho sß phßn cßa mßt cây cß thß bßn ngàn năm đßng bißn thành dây chùm gßi, đßng thßi tôi cũng tß hßi, nhßng điều tàn đß nát, nhßng bßt công phi lý cßa xã hßi Việt Nam, trong đó có sß hißn dißn cßa nhßng ngßi Mß đen Mß trßng kia phßi phát xußt tß mßt hay nhißu nguyên nhân nào đó.

Hoàn cßnh đßt nßc và nhißt tình tußi trß đß bußc các anh chß chßn lßa cho mình mßt hßng đi, mßt lý tßng sßng, mßt dâng hißn dành cho quß hßng mà các anh chß nghĩ là đúng nhßt. Sß chßn lßa nào cũng kèm theo đó sß hy sinh, cũng mang tính lßch sß và lßch sß Việt Nam trßc 1975 là mßt lßch sß đßy nhißu nhßng, đau thßng và ngß nhßn. Nhìn lßi tußi hai mßi không phßi đß phê phán nhßng vißc làm thßi đó đúng hay sai. Sai hay đúng là thái đß cßa hôm nay và vß sau chß không phßi cßa quá khß.

Bßn mßi năm trßc, nßu có ngßi cho rßng xã hßi mißn Bßc tßt đßp hßn xã hßi mißn Nam có

thơ đã không gây ra nhiều tranh cãi bởi vì các thơ sĩ tham những, quan chức đang hành quá phạm biên giới miền Nam trong khi chưa ai thật sự sẵn sàng một ngày dẫu chỉ nghĩa xã hội; thơ nhà thơ, hơn 30 năm sau mà nhà thơ ngẫm lại đó vẫn còn tiếp tục lưu lại dấu vết của thơ thì đó chỉ là một cách nói líu.

Bên ngoài năm trước, vì giới hạn về tài liệu tham khảo, nên có người nhận xét ông Hồ Chí Minh, ông Trần Hưng Đạo, ông Lê Duẩn và một số người khác các ông Tổng thống miền Nam có thể còn thông cảm, nhưng sau 30 năm với tất cả tài liệu đã được tiết lộ, Cách Cách Ruộng đất, Nhân văn - Giai phẩm, và án xét lại, Tổng công kích Mậu Thân, chuyên chính vô sản, đặc tài đảng trị, mà có người từng bái các lãnh tụ cộng sản trên thì thật là một niềm tin mù quáng.

Tôi cũng cảm ơn nhà văn Tô Nhuận V. đã phạm biên giới lưu "Nhà văn Việt Nam: Đới mới và Hội nhập", kết quả của dự tài nghiên cứu mà anh tham gia với William Joiner Center (WJC) thuộc Đới học Massachusetts trong hai năm 2005 đến 2007.

Vài điểm trong tiểu luận của anh có thể thảo luận như tôi sẽ làm dưới đây, nhưng về tổng quát tiểu luận này đã giúp cho tôi thêm những kiến thức về sinh hoạt văn học trong nước mà tôi không biết đến nhiều.

Như đến WJC, tôi nhận thấy những chuyên xẩy ra ngoài năm trước. Tôi sống ở Boston và không xa gì các khóa hội thảo mùa hè của WJC. Trong hai năm 1998 và 1999, tôi đã cùng một số anh chị trong giới cộng bút đến nói chuyện tại các khóa hội thảo mùa hè của trung tâm này. Mặc dù không phải là nhà văn, nhà thơ có những tác phẩm văn chương được tóm lược để đi đến cho văn nghệ sĩ hội ngộ, tôi vẫn được mời, đến gần gũi vì tôi sống ngay tại Boston, quen thuộc với sinh hoạt của cộng đồng người Việt và đã có thời gian ở Đới học Massachusetts.

Tôi quan tâm đến và thái độ tích cực tham gia vào các khóa hội thảo mùa hè tại Đới học Massachusetts của tất cả các đồng đồng Việt Nam. Thay vì tập trung các sinh hoạt trong nước bên ngoài Việt, sẽ có một trong những buổi thảo luận về văn học Việt Nam, chỉ tranh và hậu quả xã hội Việt Nam tại các diễn đàn riêng biệt, liên quan đến nhiều quốc gia là những việc nên làm và ngay cả phải làm. Chúng ta đang đấu tranh cho quyền tự do phát biểu của đồng bào trong nước thì không có lý do gì để giới hạn quyền phát biểu của chính mình trong một xã hội tự do.

Trong chỉn tranh, chỉ để Việt Nam Cộng hòa không có nhiều cơ hội để nói lên tiếng nói chính

nghĩa của mình. Miền Nam không phải của ông Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu hay Dương Văn Minh mà là miền Nam của hơn hai chục triệu người, trong đó có một triệu người lính đã phải chiến đấu trong những ngày đầu tiên của cuộc kháng chiến, và cả cô đơn và cũng vậy cả cô đơn. Những vành khăn tang trên ngực của những người lính, những đứa bé mồ côi vì cha và mẹ trên chiến trường trong các khu gia binh nghèo, trong những căn nhà tranh heo hút chỉ không trên các màn ảnh truyền hình quốc tế. Và từ sau 1975, các nhà văn, nhà thơ từ các quốc gia khác cũng chỉ biết Việt Nam dưới chế độ cộng sản qua vài kênh do Đảng Cộng sản Việt Nam dàn dựng, qua các khu hội tuyên truyền của phe có quyền ăn nói, những không biết đến một Việt Nam khác đang bắt đầu miệt mài, đang bắt đầu đi trong tù ngục và bắt đầu đo lường những quyên cần đến của con người. Do đó, giọng nói vì thế lên que diêm trong đêm tối và trong, giống lên đầu của một tiếng nói của lòng ngấm tâm dù ở đâu cũng là đi của chiến tranh.

Ngoài tôi, hầu hết các nhà văn miền Nam tham dự các khóa hội thảo mùa hè do WJC tổ chức đều đã chịu đựng năm phút trong quân đội và thời gian tù sau 1975 cũng không ngắn hơn bao nhiêu so với quãng đời lính tráng của họ. Trong số anh em chúng tôi, nhà văn Hoàng Ngọc Liên lớn tuổi nhất. Vào tháng 9 năm 1999 ông đã ngoài 70 tuổi. Là một cựu sĩ quan cao cấp trong quân đội Việt Nam Cộng hòa và bị giam 13 năm trong các nhà tù khắp miền bắc, thời những ông không dùng đến đàn WJC để tố cáo tội ác cộng sản, để đòi Đảng Cộng sản phải để nhân dân, đòi giới lãnh đạo Đảng phải để ít nhất bốn năm ông đã từng phải đi. Không. Nhà văn Hoàng Ngọc Liên xem buổi hội thảo chỉ là cơ hội để kể lại những điều mà tôi thấy tai nghe trong năm tháng ông ở tù và quan trọng hơn, nhìn người những người đi hy vọng đến những người cộng m bút Việt Nam thuộc thế hệ trước trong nước cũng như đang tham gia trong khóa hội thảo mùa hè năm đó. Trong bài viết “Những câu chuyện của kẻ” ông kể về hội thảo vào buổi chiều ngày 1 tháng 9 năm 1999 tại Đại học Massachusetts, Boston, nhà văn Hoàng Ngọc Liên kết luận: “Tôi nghĩ rằng lâu nay, nhất là từ năm 2000, tuổi trẻ Việt Nam là kẻ vô nghĩa của dân tộc Việt Nam, trong chiều hướng góp phần xây dựng đất nước chúng tôi, một đất nước bị chiến tranh tàn phá, sau 24 năm hòa bình, thế giới nhàn, và còn nghèo nàn, lạc hậu mà dân chúng họ như xa lạ với những quyên cần để cần đến của con người. Tôi, và những người như tôi, tin tưởng vào thế hệ trẻ, rằng họ các bạn trẻ cộng m bút, và văn phong mới mẻ hơn, sức tích hợp.”

Nếu câu nói trên do tôi nói ra thì chắc có gì đáng chú ý. Tôi nhớ hơn nhà văn Hoàng Ngọc Liên nhiều, chưa từng gặp đánh đập, bắt đầu đi một ngày nào trong các trại tập trung Hoàng Liên Sơn, Thanh Phong, Vĩnh Phú, phát biểu hay ca ngợi lòng nhân ái là chuyện thường tình, những nhà văn Hoàng Ngọc Liên thì khác, ông và tôi thoát ra khỏi đời sống cộng sản, sống khỏe mạnh và thoải mái, thân thể còn đau nhức những vết thương và đã lên các giá trị thiêng liêng của tình dân tộc và mục đích Tự do, Nhân bản cho các thế hệ Việt Nam hôm nay và mai sau để nói lên những giá trị tâm huyết của mình. Thời quý hóa và may mắn biết bao nhiêu. Không ai hòa giải với ông và ông cũng chẳng cần ai hòa giải. Ông đã thể hóa giải các xung đột bằng những thơ và qua đó đã hòa giải được với chính mình. Dù bị tù 13 năm ông đã bước ra khỏi cộng sản trại như một người chiến thắng không phải người thua trận. Ông trở về như sau một cuộc hành quân dài chỉ không phải một ngày và đã trao trả tự do, bởi vì lý tưởng Tự do Nhân bản và còn là

nguồn thôi thúc trong lòng nhà văn 70 tuổi và ông viết tin tức đích tít để p đó một ngày sẽ đến với đất nước Việt Nam.

Độc giả lưu ý “Nhà văn Việt Nam: Đời mới và Hội nhập”, tôi cũng tìm thấy trong nhà văn Tô Nhuần V một số c viết ngày mai tít sáng như nhà văn Hoàng Ngọc Liên. Đất nước phải viết qua những b tít, văn học phải viết qua những b tít, mới nhà văn nhà thơ cũng phải tìm mới cách viết qua những b tít của chính mình để đi lên và đưa đất nước đi lên. Tuy nhiên, khác với nhà văn Hoàng Ngọc Liên đi u ki n t do, nhà văn Tô Nhuần V cho rằng b tít đầu tiên và cần thiết nhất để hội nhập văn học Việt Nam trong cũng như ngoài nước là hòa hợp hòa giải trong giới văn nghệ sĩ: “đội ngũ nhà văn Việt Nam sẽ đóng vai trò đi đầu, là chiếc cầu nối cho việc hoà giải, hoà hợp dân tộc, để biết giải quyết những ng ng i Việt n nước ngoài với việc bảo trong nước, do hoàn cảnh lịch sử, đã để lại một hố sâu ngăn cách, để biết chừa xót sau chiến tranh.”

Tôi không nghi ngờ thiện chí của nhà văn Tô Nhuần V nhưng thành thật mà nói, hòa giải hòa hợp chỉ là một chiếc bóng do Đảng vẽ ra mà những ng ng i Việt có lòng đang đau khổ nhất nh đã từng đau khổ nhất con b câu hòa bình trước 1975.

Hình ảnh con b câu từng hi n hòa trên bầu trời quê hương thân yêu đã để y bao nhiêu tuổi trẻ Việt Nam t nguy n lao vào chết, đến giờ n b i vì “n u là chim tôi sẽ làm một b câu từng và n u là ng i tôi sẽ chết cho quê hương”. Các thành phố lớn miền Nam như Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, đâu đâu cũng xuất hiện các phong trào đòi quyền sống, đòi hòa bình, đòi tự do. Các cuộc xuống đường diễn ra hàng giờ n như mỗi ngày, mỗi tuần, nhiều đến nỗi làm cho d lu n quốc tế và cộng đồng ng ng i hi u biết gì i h n về chính tr có nh n xét trong các phe đang đánh nhau chỉ có chính quyền miền Nam mới là những kẻ hi u chi n và đi ng c l i khát vọng hòa bình dân tộc.

Kể thuật tuyên truyền tình vì của Đảng đã biến những ng ng i lính miền Nam đang ngày đêm đổ máu trong cuộc chiến mà không có quyền chọn lựa thành những kẻ sát nhân, trong lúc những kẻ ném l u đến vào nhà hàng M C nh, pháo kích vào trường tiểu học Cai L y, chôn sống để ng bào trên Bãi Dâu Huế, đốt mìn trên quốc lộ số một... l i trở thành những anh hùng dân tộc. Và sau 1975, mỗi ng ng i đến biết tít các phong trào hòa bình gi t o đó đều do Trung ương Đảng tr c tiếp chỉ đạo, những con chim b câu từng xinh xinh kia là do bàn tay Đảng vẽ ra, và những kẻ ném bom ngày nào cũng không ai khác hơn chính là những đảng viên biết để ng thành trung kiên của Đảng.

Tôi cũng không nghĩ c n thi t ph i có m t nhu c u hòa gi i trong gi i văn ngh sĩ dù m t th i đã ph i đ ng hai bên chuy n tuy n khác nhau. Tôi ch a g p anh Tô Nhu n V ch vì chúng ta ch a có đi u ki n g p nhau ch không ph i tôi h n thù, oán trách gì anh mà không g p. Tôi đi r t nhi u n i và ti p xúc v i nhi u anh ch chú bác trong gi i c m bút nh ng r t hi m khi g p m t nhà văn nhà th mang lòng thù h n các nhà văn nhà th trong n c. M t s khá đông không thích tham gia vào các tác ph m vi t chung gi a các nhà văn trong n c và h i ngo i b i vì h không mu n làm cái loa tuy n truy n giùm cho Đ ng, v i nh ng tác ph m vi t chung ch ng đem l i m t l i l c gì c th khi ph n l n ch phát hành t i h i ngo i ch không ph i trong n c, m t n i có 80 tri u ng i c n ph i đ c. Sau 33 năm, hàng trăm tác ph m đ c vi t tr c 1975 t i mi n Nam v n ch a đ c tái b n, ch a đ c công nh n, nhà văn nhà th g c Việt Nam C ng hòa v n còn b đ i x nh m t th công dân h ng hai, nói chi là các nhà văn nhà th v t biên sau 1975 và tác ph m c a h đ c vi t ra t i h i ngo i. N u văn h c là đ i s ng tinh th n c a con ng i trong m t th i đ i nh t đ nh thì văn h c h i ngo i h n ph i mang đ m nét c a hành trình tìm t do đ y gian kh , đ ng nhiên nh ng tác ph m nh th s không bao gi có m t trong m t nhà sách nào ở Việt Nam khi ch đ c ng s n còn t n t i.

Tình c m gi a nh ng ng i c m bút dù bên này hay bên kia không xa cách nhi u nh anh Tô Nhu n V lo l ng. Tôi còn nh m i năm tr c, vài ngày tr c khi đ n WJC tham gia h i th o, có ng i h i tôi, n u g p nhau trong bu i h i th o, tôi s làm gì, s đ i x ra sao v i nh ng ng i đ c g i là “văn nô c ng s n” t Việt Nam sang. Tôi tr l i ng i đó r ng sau bu i h i th o, tôi s r các anh ch t trong n c sang đi u ng cà-phê. M i ng i ng i chung quanh tôi hôm đó đ u b t c i vì nghĩ r ng tôi nói ch i. Không, tôi nói th t. Tôi đã đi u ng cà-phê v i nhi u anh ch văn ngh sĩ t trong n c sang. Không gi ng nh nh ng năm đ u, th i anh Lê L u sang tham gia WJC tr v , vi t nh ng bài ký s r ti n đ c in trong hai t p ký M t th i l m l i và Tr l i n c M , các anh ch đ n nh ng năm sau đ thông c m h n nhi u. G p ai tôi cũng ch yêu c u m t đi u, hãy vi t v cu c đ i và đ t n c nh các anh các ch đã t ng s ng. Th i k vi t theo ch th đã qua r i, xin đ l i cho các th h mai sau nh ng l i chân th t. H n bao gi h t đ t n c đang c n nh ng ng i nói th t và s ng th t.

Đ i v i các em sinh viên du h c cũng th . Tôi g p h r t s m. Nhi u em m i sang còn đ c th T H u cho tôi nghe và còn nói v “Bác H là v cha chung, là sao B c Đ u là v ng Thái Đ ng” c a các em b ng m t ánh m t h n nhiên và hãnh di n. Tôi kiên nh n nghe mà không ph n đ i b i vì tôi hi u đó là t t c nh ng gì em có. Th gi i tri th c c a em t l p v lòng đã đ c đóng khung trong nh ng bài gi ng đ y tính giáo đi u cu ng tín. M t tu n l tr c khi b x t hình v t i đi t ch ng, Nicolae Ceausescu v n còn đ c h c sinh Rumani, gi ng nh các em h c sinh Việt Nam ngày nay, ca t ng là tinh hoa k t t t dòng tr ng giang Danube. Tôi bi t sau 4 năm đ i h c, các em s thay đ i. Các em còn tr nên nh ng thói h t t x u, mê tín d đoan d đ n nh ng r i cũng s d đi. B nh sùng bái cá nhân s b t đ n, nh ng ch cho ánh sáng khoa h c thâm nh p vào tâm h n tr trung c a các em. Quá trình đ i m i nh n th c không di n ra trong m t s m m t chi u mà là m t quá trình dài, t ng b c và liên t c. Các em s l n lên và tr ng thành không ph i ch t u i tác mà c v trí th c. M i th h có trách nhi m riêng trong t ng giai đo n l ch s . Các b c cha chú dù đúng hay sai r i cũng s l n l t

xu ng đt hay lên giàn h a và các em s ph i nghiêng vai gánh vác trách nhi m l ch s c a th h mình. Các em có quy n trách móc, đ th a nh ng không có quy n t ch i.

C a nhà tôi ngày đó gi ng nh c a chùa, ai đ n cũng đ c, tôi ch a bao gi h i lý l ch hay căn c c ng i nào. Cách nói và cách tr l i v i t ng ng i có th khác, nh ng đ u chuyên ch m t quan đi m chính tr và ni m tin v t ng lai đ t n c gi ng nhau. Quan đi m chính tr c a tôi r t rõ ràng và đ n gi n. V i tôi, c dân t c Vi t Nam t B c đ n Nam, t nhà văn nhà th cho đ n ng i ch a h vi t n i m t lá th , t các nhà trí th c h c nhi u hi u r ng cho đ n các bác nông dân tay l m chân bùn, t các cha cho đ n các th y, t nh ng ng i đã ch t sau khi Đ ng C ng s n Vi t Nam thành l p năm 1930 hay còn s ng hôm nay, nói chung h n 80 tri u ng i, đ u là n n nhân c a ch nghĩa c ng s n.

Đ ng C ng s n th ng trong chi n tranh không ph i vì h có chính nghĩa, mà b i vì h đã kiên trì v i m c đích nhu m đ Vi t Nam, đ c t ch c m t cách tinh vi t trung c ng Đ ng cho đ n t n t ba ng i và khai thác tri t đ lòng yêu n c sâu đ m c a ng i dân Vi t Nam. Tôi cũng có m t ni m tin r ng dân t c Vi t Nam v i m t đ dân s trung bình không quá đông hay quá ít, v i ngu n tài nguyên thiên nhiên phong phú, v i l c c ng chuyên viên đông đ o trong các ngành khoa h c đang có m t trên kh p th gi i, v i truy n th ng yêu n c B ch Đ ng, Chi Lăng, Đ ng Đa v n ch y đ y trong huy t qu n, n u đ c ch p đôi cánh t do, dân ch , nhân b n, Vi t Nam s bay lên cao, s th t s tr thành m t c ng qu c kinh t , c ng qu c quân s , s đ kh năng b o v s toàn v n vùng tr i, vùng bi n c a t qu c thiêng liêng. N u không có t do dân ch , “khát v ng c t cánh” mà anh Tô Nhu n V nêu ra trong ph n đ u ti u lu n ch là m t gi c m tiên.

Có ng i cho r ng Đ ng C ng s n đã có m t th i đ ng hành v i dân t c, cùng h ng đ n m t m c tiêu nh dân t c Vi t Nam, do đó vai trò lãnh đ o c a Đ ng ngày nay là h qu t t y u c a l ch s . Tôi không đ ng ý. Đó là lý lu n c a k c p. V i tôi, r t nhi u đ ng viên Đ ng C ng s n tham gia ch ng Pháp phát xu t t lòng yêu n c và đã ch t cho đ t n c nh tôi đã nhi u l n vi t trên di n đàn này, nh ng b n thân Đ ng C ng s n nh m t t ch c chính tr ch a bao gi đ ng hành v i dân t c. Vi c giành l i n n đ c l p và ch quy n đ t n c t tay th c dân là m c tiêu, là b n b c a dân t c Vi t Nam, trong khi đó đ i v i Đ ng C ng s n, đ c l p dân t c ch là ph ng ti n, m t chi c c u, m t chi c ghe h c n có đ đi qua trên đ ng ti n t i cách m ng vô s n. M c tiêu đó đã đ c kh ng đ nh ngay trong “Lu n c ng chính tr” Đ i h i Đ ng C ng s n Đông D ng do Trn Phú ch trì năm 1930 và đ c H i ngh Ban Ch p hành Trung c ng phê chu n vào tháng 4 cùng năm: “Vai trò lãnh đ o c a Đ ng C ng s n trong cu c cách m ng; hai giai đo n cách m ng t cách m ng t s n dân quy n ch ng đ qu c và phong ki n nh m th c hi n m c tiêu đ c l p dân t c và ng i cày có ru ng và sau đó chuy n sang làm cách m ng xã h i ch nghĩa.”

Sau 1975, một số người tiếp tục bút nghiên vào rừng “Chợ ng Mỏ củ nỏ c” đã phn n, k t án gi i lãnh đ o Đ ng đ ng đ ng c i quy n l i dân t c, ph n b i lý t ng, ph n b i máu x ng c a đ ng chí h , đ a đ t n c đi vào con đ ng nghèo đói, đ c tài, đ ng tr . Nghĩ cho đúng, đó là nh ng l i k t án thi u c s lý lu n l n th c t . Th t là oan cho Đ ng. N u h ch u khó đ c các đ c ng chính tr đ i h i Đ ng t ngày thành l p 78 năm tr c cho đ n đ i h i l n th X cách đây hai năm, s th y Đ ng C ng s n ch a bao gi ph n b i m c tiêu c a mình. M c tiêu c ng s n hóa toàn c i Vi t Nam và đ t dân t c Vi t Nam đ i quy n cai tr tuy t đ i c a Đ ng ch a bao gi thay đ i. Vì m t s đ i u ki n cách m ng và bi n chuy n chính tr th gi i x y ra ngoài tiên li u, các chính sách c a Đ ng cũng ph i theo đó mà áp đ ng m t cách thích nghi h n, m m đ o h n qua nh ng chính sách gi i là “đ i m i”, “h i nh p” v.v..., nh ng m c đích c a Đ ng t tr c đ n sau luôn nh t quán.

Có ng i đ n nay v n nghĩ r ng vi c h h ng ng l i kêu g i c a Đ ng C ng s n đ đ ng lên “Chợ ng Mỏ củ nỏ c” là m t lý t ng cao đ p c a cu c đ i h , nh ng không bi t r ng câu đó ch là m t trong hàng ch c kh u hi u có tính giai đo n mà Đ ng đã dùng. N u M không qua Vi t Nam thì Đ ng có đ yên cho nhân dân mi n Nam xây đ ng m t xã h i t do dân ch không? Ch c ch n là không. Dĩ nhiên, M không qua s không có kh u hi u “Chợ ng Mỏ củ nỏ c”, nh ng Đ ng có th a chuyên viên truyền truy n chuyên nghi p đ nghĩ ra nh ng kh u hi u khác không kém ph n khích đ ng.

Tôi đ ng ý v i nhà văn Tô Nhu n V r ng gi a các nhà văn nhà th trong và ngoài n c hay đã t ng đ ng trên chuy n tuy n khác nhau v n còn “m t h sâu ngấn cách, đ bi t chua xót”, nh ng nghĩ cho đúng, cái h sâu đó ch ng ph i do nhà văn nhà th nào đào ra. Đó không ph i là h sâu tình c m mà là h sâu ý th c h . Theo l t nhiên, ai đào ra thì ng i đó ph i l p l i. Trách nhi m hòa gi i hòa h p dân t c, xóa b các cách ngăn v ý th c h là trách nhi m c a gi i lãnh đ o Đ ng C ng s n Vi t Nam. Trong su t 33 năm qua v i bao nhiêu c h i nh ng các lãnh đ o Đ ng ch ng nh ng không th hi n m t hành đ ng nào c th đ ch ng t tình th n hòa gi i hòa h p dân t c mà càng đào sâu h n nh ng h sâu ngấn cách, làm l loét thêm nh ng v t th ng v n còn đang m ng m trên da th t c a nhi u tri u ng i Vi t Nam. Vi c yêu c u chính quy n Nam Đ ng đ p b t m bia t ng ni m đ ng bào ch t trên Bi n Đông hay vi c t ch c r m r k ni m 40 năm M u Thân trên n i đầu cam nín c a hàng ngàn đ ng bào Hu là vài ví d đ i n hình.

V i đ ng bào h i ngo i, nh ng hành đ ng xúc ph m h ng linh c a nh ng em bé ch t trôi, nh ng bào thai ng t n c ngay lúc còn trong b ng m , nh ng oan h n đang v t v ng kh p Bi n Đông nh th , làm sao lãnh đ o Đ ng C ng s n có th v n đ ng đ c đoàn k t trong ngoài, nh t là đ i h n hai tri u ng i Vi t h i ngo i, đ cùng đ a đ t n c đi lên?

Vì i đáng bào trong nác, nháng cháng tránh ca nhác rám rá máng 40 năm chián tháng Máu Thân, trong lúc cùng thái điám đó trên kháp ba mián đát nác, nhát là tái Huá, hàng trăm ngàn đáng bào đang khóc trong âm thán, trong tái nhác, trong hán cấm uát, thì làm sao lãnh đáo Đáng có thá phát huy đác nái lác dân tác?

Bát cá mát ngái Việt Nam nào vái mát tránh đá nhán thác trung bình cũng biát nháng hành đáng váa nêu cáa giái lãnh đáo Đáng là không cán thiát và quá đáng. Tôi tin ngay cá trong Bá Chính trá và Trung áng Đáng cũng có ngái biát viác đó là phi nhán, lác háu, váng vá và quá đáng, nháng há không có chán láa nào khác ngoài viác phái làm, đán gián bái vì che đáy tái ác là phán áng tá nhiên cáa nháng ká đã gây ra tái ác.

Chim bay cán đôi cánh nháng không phái giáng chim nào có cánh cũng có thá bay cao. Chim se sá chá biát bay quanh ván, nháy nhót trên nháng cành xoài, cành ái, nháng đá có mát hám đái Việt Nam, mát phi đoàn Việt Nam, mát vá tinh Việt Nam, mát phi thuyán Việt Nam, đát nác phái cán có đôi cánh pháng hoàng, nói đúng hán là đôi cánh dân tác. Đáng Cáng sán Việt Nam, vái nháng mâu thuán đái kháng và bá tác ngay tá bên trong cá cáu đác tài đáng trá sá không có khá năng đáa đát nác lên ngang tám vái thái đái, và do đó, viác chán láa mát con đáng thay thá là trách nhiám cáa các thá há Việt Nam trong và ngoài nác hôm nay.